

Bản án số: 01/2020/LĐ-PT

Ngày: 09/6/2020

*“V/v Đơn phương chấm dứt
hợp đồng lao động”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Tấn Hoàng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Trúc và bà Vũ Ngọc Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Trà

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên: Bà Trần Thị Thu Anh -
Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2020 tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động phúc thẩm thụ lý số: 05/2019/TLPT-LĐ ngày 04 tháng 11 năm 2019 về việc *“Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động”*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 01/2019/LĐST ngày 20/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện S bị kháng cáo; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2020/QĐ-PT ngày 05 tháng 5 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2020/QĐ-PT ngày 22 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thái H, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Thôn H, xã S, huyện S, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Hương Q – Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Yên.

2. *Bị đơn:* Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện S. Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Văn H1 - Phó chủ tịch UBND thị trấn C, huyện S. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bảo hiểm xã hội huyện S; người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Anh T – Giám đốc BHXH huyện S.

4. *Người làm chứng:* Ông Trần Quốc C, sinh năm 1956; Nơi cư trú: khu phố T, thị trấn C, huyện S. Có đơn xin vắng mặt.

5. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Nguyễn Thái H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 04/10/2018, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Thái H trình bày:

Ngày 24/4/2015, giữa ông với Ủy ban nhân dân thị trấn C do ông Trần Quốc C làm Chủ tịch đại diện ký hợp đồng lao động số 02/HĐLĐ với nội dung: Thời gian làm việc 12 tháng từ ngày 01/5/2015 đến ngày 30/4/2016; công việc được giao làm tư pháp Ủy ban nhân dân thị trấn C; tiền lương 1.150.000 đồng/tháng. Ngày 10/10/2017 UBND thị trấn C ra Thông báo số 46/TB-UBND về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông. Ngày 31/10/2017 UBND thị trấn C gọi ông vào phòng Phó Chủ tịch thông báo cho ông chính thức từ 01/11/2017 chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông, không đồng ý với Thông báo nên ông làm đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân thị trấn C, nhưng Ủy ban nhân dân thị trấn C giải quyết khiếu nại không thỏa đáng, nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc UBND thị trấn C hủy bỏ Thông báo số 46/TB-UBND ngày 10/10/2017 về việc chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật và phải nhận ông trở lại làm việc tại Ủy ban nhân dân thị trấn C với vị trí theo như hợp đồng giao kết.

2. Buộc UBND thị trấn C phải bồi thường cho ông về tổn thất tinh thần, danh dự và toàn bộ những khoản thu nhập trong những ngày không làm việc và tiền lương phải trả.

3. Buộc UBND thị trấn C phải truy nộp các khoản tiền phúc lợi xã hội: BHXH, BHYT & BHTN từ trước cho đến khi chấm dứt và sau khi chấm dứt hợp đồng lao động cho đến nay.

Tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa bị đơn đại diện UBND thị trấn C trình bày: thống nhất với trình bày của ông Nguyễn Thái H về việc giao kết hợp đồng lao động số 02/HĐLĐ. Theo quy định của Luật cán bộ, công chức 2008 thì ở cấp xã không có đối tượng là người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động; chậm nhất đến ngày 31/12/2014 phải chấm dứt hợp đồng lao động với những người lao động đang làm việc theo hợp đồng lao động, việc ký hợp đồng với ông Nguyễn Thái H không đúng quy định của pháp luật, nên ngày 05/10/2017 Thường trực UBND thị trấn C làm việc với ông H để bố trí sang làm chức danh nhân viên công tác xã hội, do Ủy ban nhân dân thị trấn C đã đủ biên chế công chức Tư pháp – hộ tịch nhằm để đảm bảo việc cân đối ngân sách và sử dụng phù hợp biên chế, nhưng ông H không đồng ý. Ngày 10/10/2017 UBND thị trấn C ra Thông báo số 46/TB-UBND về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông Nguyễn Thái H. Do đó, UBND thị trấn C không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bởi lẽ: Việc ký kết hợp đồng lao động với ông Nguyễn Thái H là không đúng quy định pháp luật, UBND thị trấn C đã động viên ông H sang làm nhân viên công tác xã hội (*Trước đây nguồn chi trả lương cho đồng chí Nguyễn Thái H là nguồn kinh phí tự chủ của UBND thị trấn C, huyện S*) nhưng ông H không đồng ý. Vì cân đối ngân sách chi trả lương địa phương nên UBND thị trấn phải chấm dứt hợp đồng đối với ông H, việc chấm dứt hợp đồng với ông H là đúng quy định tại Điều 38 Bộ luật lao động; UBND thị trấn C chấm dứt hợp đồng đúng quy định nên không phải bồi thường thiệt hại cho ông Nguyễn Thái H về lương và các khoản thu nhập khác mà ông yêu cầu; Theo Công văn số 2845/BNV ngày 29/7/2014 về việc vướng mắc trong thực hiện BHXH đối

với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của Bộ Nội Vụ và Công văn số 4407/BHXXH-BT ngày 14/11/2014 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc hướng dẫn giải quyết vướng mắc về thu BHXH, BHYT thì trường hợp ông Hiền không phải là đối tượng nộp BHXH, BHYT.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội huyện S do ông Nguyễn Anh T – Giám đốc Bảo hiểm xã hội huyện S trình bày: Căn cứ điểm c mục 3 Công văn số 2845/BNV-CCVC của Bộ Nội Vụ ngày 29/7/2014 thì ở cấp xã không có đối tượng là người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động. Căn cứ Công văn số 4407/BHXXH-BT ngày 14/11/2014 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam v/v hướng dẫn việc giải quyết vướng mắc bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế thì kể từ ngày 01/01/2015 Cơ quan Bảo hiểm xã hội không thu bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với mọi trường hợp ký hợp đồng lao động với Ủy ban nhân dân cấp xã. Trường hợp ông Nguyễn Thái H ký hợp đồng lao động với Ủy ban nhân dân thị trấn C vào ngày 01/5/2015 là không thuộc đối tượng thu bảo hiểm xã hội bắt buộc.

Người làm chứng ông Trần Quốc C trình bày: Ông Nguyễn Thái H khởi kiện UBND thị trấn C yêu cầu hủy thông báo chấm dứt hợp đồng, nhận ông H vào làm việc và giải quyết các chế độ lao động, giải quyết tiền lương là không đúng vì ông H làm việc là theo vụ việc, có thời hạn nhất định, với mức lương cố định và không chi trả các chế độ bảo hiểm xã hội, phụ cấp khác. Trước khi chấm dứt hợp đồng công việc với ông H thì UBND thị trấn C đã chuyển ông sang làm việc khác là phù hợp nhưng ông H không đồng ý là sai.

Bản án lao động sơ thẩm số: 01/2019/LĐ-ST ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện S, Phú Yên, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 32, Điều 264, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 2 Điều 22, 38, 42, 48, 201, 202 Bộ luật lao động; Điều 49 Luật việc làm.

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của ông Nguyễn Thái H về việc: Hủy thông báo số 46/TB-UBND ngày 10/10/2017 về việc chấm dứt hợp đồng lao động và nhận trở lại làm việc vì vi phạm thời gian báo trước, không đúng trình tự thủ tục và vi phạm Điều 36, 38 Bộ luật lao động; Trả lương trong những ngày nghỉ việc từ tháng 12/2017 đến ngày mở phiên tòa sơ thẩm là 21 tháng x 1.490.000 đồng/tháng x 2,34 = 73.218.600 đồng và 02 tháng lương theo Điều 42 Bộ luật lao động là 6.972.000 đồng. Tổng tiền lương là 80.190.600 đồng; yêu cầu nộp tiền BHXH, BHYT và BHTN từ tháng 12/2017 đến ngày mở phiên tòa sơ thẩm là 22 tháng x 3.486.600 đồng/tháng x 32,5% = 24.929.190 đồng; yêu cầu truy đóng BHXH, BHYT và BHTN từ ngày ký hợp đồng lao động đến ngày nghỉ việc là 30 tháng x 3.486.600 đồng/tháng x 32,5% = 33.994.350 đồng; Trường hợp Ủy ban nhân dân thị trấn C không nhận trở lại làm việc thì ngoài những khoản trên phải trả thêm 03 tháng lương x 1.490.000 đồng/tháng x 2,34 = 10.459.800 đồng và bồi thường thiệt hại do chấm dứt hợp đồng lao động 12 tháng x 1.490.000 đồng/tháng x 2,34 = 41.839.200 đồng; Bồi thường tổn thất tinh thần 10 tháng x 1.490.000 đồng/tháng = 14.900.000 đồng. Tổng cộng là 206.313.140 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019 (Tòa án nhận đơn kháng cáo ngày 03/9/2019) nguyên đơn ông Nguyễn Thái H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Nguyễn Thái H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng, cần phải hủy bỏ thông báo chấm dứt hợp đồng lao động đối với ông H, nhận lại làm việc và phục hồi các quyền lợi cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan giữ nguyên ý kiến đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa là đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Thái H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến các bên đương sự, Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngày 24/4/2015 giữa nguyên đơn và bị đơn giao kết hợp đồng lao động số 02/HĐLĐ với thời hạn 01 năm kể từ ngày 01/5/2015 đến ngày 30/4/2016; chức danh ông H đảm nhận là cán bộ tư pháp UBND thị trấn C; tiền lương 1.150.000 đồng/tháng; trả lương bằng hình thức chuyển khoản hoặc tiền mặt. Sau khi hợp đồng hết hạn hai bên không ký kết hợp đồng mới, ông H vẫn tiếp tục làm việc tại UBND thị trấn C đến hết ngày 25/11/2017 nên đây là hợp đồng lao động không xác định thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Bộ luật lao động.

[2] Xét thời gian UBND thị trấn C báo trước cho ông H về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng với ông đủ 45 ngày (*từ ngày 10/10/2017 đến ngày 25/11/2017*) là đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 38 Bộ luật lao động. Căn cứ Quyết định số 86/QĐ-UBND ngày 09/10/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn C về việc ủy quyền điều hành và giải quyết công việc thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND thị trấn phụ trách thì việc Phó chủ tịch UBND thị trấn thông báo chấm dứt hợp đồng lao động với ông H là đúng thẩm quyền, nên nguyên đơn ông H và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng vi phạm là không có căn cứ. Thông báo số 46/TB ngày 10/10/2017 về việc chấm dứt hợp đồng nêu: *“Qua ý kiến phân công của lãnh đạo UBND thị trấn ngày 10/4/2017 phân công đồng chí H phụ giúp đồng chí Võ Thị Minh H2 – công chức tư pháp, hộ tịch trong việc*

tham mưu UBND thị trấn giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân, nhưng từ đó đến nay ông H không nhận nhiệm vụ và cũng không làm được gì”. Tại phiên tòa, bị đơn không cung cấp quy chế hay tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành công việc để làm cơ sở đánh giá người lao động thường xuyên không hoàn thành nhiệm vụ, cũng như không cung cấp chứng cứ chứng minh ông Hiền không hoàn thành nhiệm vụ là có thiếu sót.

Căn cứ Luật cán bộ, công chức năm 2008 thì ở cấp xã không có đối tượng là người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động và tại Công văn số 2845/BNV-CCVC ngày 29/7/2014 của Bộ Nội Vụ về việc vướng mắc trong thực hiện BHXH đối với cán bộ công chức, viên chức và người lao động thì chậm nhất đến ngày 31/12/2014 các Ủy ban nhân dân cấp xã phải chấm dứt hợp đồng lao động với những người lao động đang làm việc theo hợp đồng lao động để thực hiện thủ tục đóng BHXH bắt buộc theo quy định, nên tính đến ngày 31/12/2014 các Ủy ban nhân dân cấp xã không được ký hợp đồng lao động với người lao động. Đối chiếu quy định pháp luật này với hợp đồng lao động số 02/HĐLD ngày 24/4/2015 giữa ông Nguyễn Thái H với người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân thị trấn C thì thấy hợp đồng lao động có thời hạn 01 năm kể từ ngày 01/5/2015 đến ngày 30/4/2016 là trái quy định pháp luật. Lẽ ra Tòa án có quyền tuyên bố hợp đồng vô hiệu theo quy định tại Điều 51 Bộ luật lao động, xử lý hợp đồng vô hiệu theo quy định tại Điều 52 Bộ luật lao động và được hướng dẫn tại các Điều 10, 11 của Nghị định số 44/2013/NĐ-CP ngày 10/5/2013 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật lao động về hợp đồng lao động nhưng các đương sự không yêu cầu và Tòa án chỉ giải quyết vụ án trong phạm vi đơn khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nhằm giải quyết tồn tại của hợp đồng lao động đã giao kết và bảo đảm nguồn ngân sách được cấp, UBND thị trấn C đã bố trí, chuyển ông Hiền sang làm nhân viên công tác xã hội chuyên trách nhưng ông không đồng ý và yêu cầu tiếp tục làm việc với chức danh tư pháp, hộ tịch. Việc điều chuyển vị trí việc làm của UBND thị trấn C xuất phát từ thực hiện chính sách pháp luật của Nhà nước là *“chậm nhất đến ngày kể từ ngày 31/12/2014 phải chấm dứt hợp đồng lao động đối với những người lao động đang làm việc theo hợp đồng lao động”* nên UBND thị trấn C chấm dứt hợp đồng lao động với ông H là có cơ sở theo quy định tại điểm c Điều 38 Bộ luật lao động, nên không phát sinh các nghĩa vụ của người sử dụng lao động theo quy định tại Điều 42 Bộ luật lao động. Nguyên đơn cho rằng việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động là trái pháp luật vì phạm Điều 36, 38 Bộ luật lao động, nên phải trả lương là không có căn cứ pháp luật.

[3] Nguyên tắc chế độ thu, chi BHXH thì có thu mới có chi, có đóng mới được hưởng. Xuất phát từ quy định tại điểm b mục 5 của Công văn số 4407/BHXH-BT ngày 14/11/2014 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam về việc hướng dẫn giải quyết vướng mắc về thu BHXH, BHYT: *“Kể từ ngày 01/01/2015, cơ quan BHXH không thu BHXH bắt buộc đối với mọi trường hợp ký HĐLD với UBND cấp xã”* và điểm c mục 3 Công văn số 2845/BNV-CCVC ngày 29/7/2014 của Bộ Nội Vụ thì ở cấp xã không có đối tượng là

người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động nên UBND thị trấn C không thu và đóng BHXH, BHYT và BHTN cho ông H từ khi ký hợp đồng lao động là có căn cứ. Lẽ ra khi hợp đồng chấm dứt theo quy định tại khoản 10 Điều 36 Bộ luật lao động thì UBND thị trấn C có trách nhiệm chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động đã làm việc thường xuyên từ đủ 12 tháng trở lên, mỗi năm làm việc được trợ cấp nửa tháng lương được quy định tại Điều 48 Bộ luật lao động, nhưng H không thuộc đối tượng thu bảo hiểm xã hội bắt buộc nên ông cũng không được chi trả trợ cấp thôi việc.

[4] Ông Nguyễn Thái H yêu cầu bồi thường 14.900.000 đồng về tổn thất tinh thần, danh dự nhưng không cung cấp chứng cứ chứng minh hoặc đánh giá tác động của việc chấm dứt hợp đồng lao động với tinh thần, danh dự cụ thể như thế nào, nên không có căn cứ để chấp nhận.

Từ những viện dẫn trên cần chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Thái H kháng cáo nhưng không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật; tuy nhiên căn cứ vào khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí của Tòa án thì nguyên đơn ông Nguyễn Thái H được miễn án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Thái H. Giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 32, Điều 264, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 22, 38, 42, 48, 201, 202 Bộ luật lao động; Điều 49 Luật việc làm; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Thái H theo đơn khởi kiện ngày 04/10/2018 về việc: Hủy thông báo số 46/TB-UBND ngày 10/10/2017 về việc chấm dứt hợp đồng lao động và nhận trở lại làm việc vì vi phạm thời gian báo trước, không đúng trình tự thủ tục và vi phạm Điều 36, 38 Bộ luật lao động; Trả lương trong những ngày nghỉ việc từ tháng 12/2017 đến ngày mở phiên tòa sơ thẩm là 21 tháng x 1.490.000 đồng/tháng x 2,34 = 73.218.600 đồng và 02 tháng lương theo Điều 42 Bộ luật lao động là 6.972.000 đồng. Tổng tiền lương là 80.190.600 đồng; yêu cầu nộp tiền BHXH, BHYT và BHTN từ tháng 12/2017 đến ngày mở phiên tòa sơ thẩm là 22 tháng x 3.486.600 đồng/tháng x 32,5% = 24.929.190 đồng; yêu cầu truy đóng BHXH,

BHYT và BHTN từ ngày ký hợp đồng lao động đến ngày nghỉ việc là 30 tháng x 3.486.600 đồng/tháng x 32,5% = 33.994.350 đồng; Trường hợp Ủy ban nhân dân thị trấn C không nhận trở lại làm việc thì ngoài những khoản trên phải trả thêm 03 tháng lương x 1.490.000 đồng/tháng x 2,34 = 10.459.800 đồng và bồi thường thiệt hại do chấm dứt hợp đồng lao động 12 tháng x 1.490.000 đồng/tháng x 2,34 = 41.839.200 đồng; Bồi thường tổn thất tinh thần 10 tháng x 1.490.000 đồng/tháng = 14.900.000 đồng. Tổng cộng là 206.313.140 đồng.

2. Về án phí: Miễn án phí sơ thẩm và phúc thẩm cho ông Nguyễn Thái H; Hoàn lại cho ông Nguyễn Thái H 300.000đ án phí lao động phúc thẩm đã nộp ở biên lai thu tiền số 0014632 ngày 16/9/2019 tại Chi cục Thi hành án huyện S, Phú Yên.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND tỉnh Phú Yên; (2)
- TAND huyện S; (2)
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- CCTHADS huyện S;
- P.KTNV-THA;
- Lưu: HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Tấn Hoàng